

Số: 01.../2024/BBH-MIREX

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM VIỆT NAM**

Trụ sở chính : Tầng 6, tòa nhà Việt Á, số 9, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, HN

Mã số doanh nghiệp : 0101914063

Thời gian họp : Vào lúc 9h00, ngày 28 tháng 06 năm 2024

Địa điểm họp : Tầng 3, Tòa nhà 25T2 Nguyễn Thị Thập, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Công ty CP Khoáng Sản và Luyện Kim Việt Nam tiến hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 với các thành phần dự họp và mục đích nội dung họp như sau:

I. Thành phần tham dự họp:

A. Thành viên Hội Đồng Quản trị

- Ông Lê Xuân Trung – Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Xuân Dũng – TGD- TV HĐQT
- Ông Nguyễn Cảnh Hoàng – TV HĐQT
- Ông Nguyễn Thiện Thông – TV HĐQT

B. Thành Viên Ban Kiểm Soát

- Bà Lê Cẩm Tú – Trưởng BKS

Cùng các cổ đông Công ty theo Phụ lục cổ đông tham dự đính kèm.

C. Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Giới thiệu ban kiểm tra tư cách cổ đông

Bà Võ Thị Lan Anh

Chức vụ: Trưởng ban

Bà: Phan Thị Thanh Hương

Chức vụ: Thành viên

Bà: Nguyễn Thị Hạnh

Chức vụ: Thành viên

Bà Võ Thị Lan Anh Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông lên báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.

- ✓ Tổng số cổ đông tham dự đại hội: 38 cổ đông
- ✓ Tổng số cổ đông tham dự họp trực tiếp: 14 cổ đông
- ✓ Tổng số cổ đông ủy quyền: 24 cổ đông



- ✓ Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự họp và ủy quyền 9.663.403 cổ phần, tương ứng với 74,33 % tỷ lệ biểu quyết.

D. Bầu Chủ Tọa và thư ký cuộc họp

Thông nhất bầu chủ tọa và thư ký cuộc họp như sau

- Chủ tọa: Ông Lê Xuân Trung Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Thư ký : Lương Thị Hương Chức vụ: Hành chính

E. Ban kiểm phiếu

Thông nhất bầu ban kiểm phiếu bao gồm các ông/bà sau:

- Ông: Lê Duy Linh – Trưởng ban
- Ông Phan Hồng Đăng – Thành viên
- Bà: Nguyễn Thị Hạnh – Thành viên

II. Chương trình họp

A. Cuộc họp diễn ra với nội dung sau:

- Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024
- Thông qua báo cáo hoạt động của TGD năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024
- Thông qua báo cáo của Ban Kiểm Soát năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024
- Thông qua báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2023
- Thông qua lựa chọn đơn vị Kiểm toán năm 2024

B. Nội dung cuộc họp:

Thông qua các nội dung cần trao đổi và thống nhất tại Đại hội đồng cổ đông công ty theo chương trình họp đã gửi các cổ đông công ty, cụ thể

1. Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024.

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023.

- Tháng 03 năm 2023, Mirex đã tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023; Đại hội đồng đã thông qua kết quả bầu thành viên hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028, đảm bảo tiêu chuẩn và cơ cấu nhân sự đã đề ra, bao gồm các ông/bà sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Nhiệm kỳ
1	Ông Lê Xuân Trung	Chủ tịch HĐQT	2023-2028
2	Ông Nguyễn Xuân Dũng	TV HĐQT kiêm TGD	2023-2028
3	Ông Nguyễn Thiện Thông	TV HĐQT	2023-2028
4	Bà Nguyễn Thanh Ngọc	TV HĐQT	2023-2028
5	Ông Nguyễn Cảnh Hoàng	TV HĐQT	2023-2028

- Bầu mới các thành viên ban kiểm soát bao gồm các ông/bà sau: Lê Cẩm Tú, Ngô Văn Tuấn, Nguyễn Xuân Định.
- Đã thực hiện được việc sửa đổi điều lệ công ty, thay đổi các chức danh trong công ty phù hợp với tình hình thực tế kinh doanh sản xuất, đảm bảo đúng quy chế theo điều lệ công ty và đúng theo quy định của pháp luật. Trong giai đoạn 2023, HĐQT đã họp và ban hành các 03 nghị quyết, 05 quyết định, cụ thể như sau:

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ
1	08/NQ-HĐQT	25/04/2023	Phân công nhiệm vụ TVHĐQT	5/5
2	37/QĐ-NS-Mirex	16/06/2023	Miễn nhiệm kế toán trưởng	5/5
3	38/QĐ-NS-Mirex	16/06/2023	Bổ nhiệm kế toán trưởng	5/5
4	40.2/NQ-Mirex	29/06/2023	Phê duyệt PA SXKD của TGD	5/5
5	53/2023/NQ-HĐQT	28/07/2023	Góp vốn thành lập doanh nghiệp mới	5/5
6	70/QĐ-NS-Mirex	06/10/2023	Miễn nhiệm kế toán trưởng	5/5
7	71/QĐ-NS-Mirex	06/10/2023	Bổ nhiệm kế toán trưởng	5/5
8	72/QĐ-NS-Mirex	06/10/2023	Bổ nhiệm cố vấn cấp cao	5/5

- Trong năm 2023, 5/5 thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên HĐQT, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững công ty.
- Như vậy trong năm qua HĐQT đã ban hành các Nghị Quyết/Quyết định, Ban Giám đốc đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch kinh doanh của Công ty để vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như sau:
 - Công ty đã thực hiện các biện pháp tái cơ cấu tổ chức, cắt giảm nhận sự và các chi phí phù hợp với quy mô hoạt động.
 - Tích cực phối hợp chặt chẽ với PVcomBank tìm phương án giải quyết nợ vay, lãi vay liên quan đến đầu tư XD CB nhà máy sản xuất sắt xộp, đảm bảo mục tiêu kếp trả nợ vốn vay và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Thực hiện thanh toán một phần nợ thuế, nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước. vừa đảm bảo có đủ vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại bất kỳ thời điểm nào.
 - Tiếp tục thực hiện và bám sát kế hoạch kinh doanh trong giai đoạn 2023-2028(Theo Nghị Quyết HĐCĐ). Tiếp tục làm thương hiệu và thị trường tốt, đưa Nhà máy vào chuỗi sản xuất Công nghiệp Quốc phòng và tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - Tìm kiếm các đối tác mới để hợp tác đầu tư, sản xuất gang hoặc quặng vôi viên nhằm tận dụng tối đa nguồn quặng và cơ sở hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư.
 - Thực hiện chủ trương xin nâng cấp, xin thăm dò, xin mở rộng phân mỏ tại Cao Bằng, Bắc Kan.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	TH 2023/2022
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.457.018.987	9.514.143.342	226%
2	Giá vốn hàng bán	57.816.103.352	52.073.991.290	111%

3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(36.359.084.365)	(42.559.847.948)	85%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	7.294.995	72.133	10113%
5	Chi phí hoạt động tài chính	51.123.767.258	50.554.122.262	101%
6	Chi phí bán hàng			
7	Chi phí quản lý Doanh nghiệp	2.738.529.438	1.443.695.881	190%
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(90.214.086.066)	(94.557.593.958)	95%
9	LN khác	(4.217.252.214)	(660.926.549)	638%
10	Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	(94.431.338.280)	(95.218.520.507)	99%
11	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(94.431.338.280)	(95.218.520.507)	99%

II. Kết quả hoạt động năm 2023

- Doanh thu năm 2023 của Mirex đến từ 04 hoạt động kinh doanh chính: bột sắt, hàng đúc, quặng sắt và hoạt động dịch vụ khác đạt 21,46 tỷ đồng, chi phí 111,68 tỷ đồng, lợi nhuận đạt (94,43) tỷ đồng.
- Chi phí sản xuất chiếm tỷ trọng cao so với giá bán sản phẩm (70-90%) dẫn đến lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh chính của Công ty thấp, không bù đắp đủ chi phí hoạt động. Mặt khác, công ty phải chịu chi phí cố định hàng năm: chi phí khấu hao, chi phí chênh lệch tỷ giá và chi phí lãi vay Ngân hàng, do vậy, lợi nhuận của Công ty bị âm
- Bột sắt
 - Năm 2023, khối lượng bột sắt Mirex đã thực hiện bán là 190 tấn, doanh thu đạt 2.381 triệu đồng; chiếm 11% doanh thu. Khách hàng chính và duy nhất là Công ty CP đầu tư và phát triển vật liệu mới công nghệ VSD (VSD). Đơn giá bán 12,47 triệu đồng/Tấn bột sắt, trong khi đó đơn giá sản xuất trung bình là 15 triệu đồng/tấn. Mặt khác, năm 2023 nhập lại 100 tấn bột sắt là sản phẩm của dự án KHCN đơn giá 27 triệu đồng/tấn. Điều này dẫn đến giá vốn xuất bán của bột sắt trong năm cao gấp đôi giá bán, dẫn đến lỗ.
- Hàng đúc
 - Sản phẩm đúc bao gồm: Ống thép, búa nghiền, phôi đúc thép non, mặt bích bơm, cánh bơm, các vật tư chế tạo phôi...doanh thu 8.592 triệu đồng, chiếm 40% doanh thu. Đây là mảng kinh doanh duy nhất có lãi của công ty trong năm 2023. Mặt hàng cung cấp chính cho công ty TNHH MTV điện cơ hóa chất 15 là ống thép C60. Năm 2023, cung cấp cho Cơ chất 15 là 6000 ống thép, đơn giá bán 750.000vnd/cái, đơn giá vốn 487.000 VNĐ/cái; doanh số 4.500 triệu đồng.
 - Mặt hàng cung cấp chính cho công ty TNHH Liên Hiệp là búa nghiền, phôi đúc thép non và chi tiết thép đúc .

- Quặng sắt

- Năm 2023, Công ty đã bán 6.189,46 tấn quặng, đơn giá bán 1.25 triệu đồng/tấn (bằng với đơn giá quy định tối thiểu khi tính thuế tài nguyên của Bộ tài nguyên môi trường, doanh thu 8.744 triệu đồng, chiếm 41% doanh thu. Đơn giá vốn của quặng là 1.41 triệu đồng/tấn (cao hơn giá bán 12,8%). Các khách hàng bao gồm:

Công ty	Doanh thu (Vnd)	Tỷ trọng
Công ty TNHH Khoáng sản 679 Cao Bằng	530,162,500	6%
Công ty TNHH Sản Xuất Dịch Vụ và Thương Mại Liên Hiệp	1,324,864,000	15%
Công ty TNHH Sản Xuất Dịch Vụ và TM Phương Tân	6,889,425,000	79%
Tổng	8,744,451,500	100%

- Công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại Liên Hiệp là vừa là khách hàng mua quặng vừa là nhà cung cấp dịch vụ gia công các sản phẩm hàng đúc và bột sắt của Mirex.
- Công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại Phương Tân là đơn vị hợp tác khai thác quặng sắt với Mirex. Trong năm 2023 chi phí khai thác quặng sắt thuê của Phương Tân 10.206,57 tấn là 12.125 tỷ (Đơn giá khai thác là 1.1 triệu/tấn)
 - Đất khai thác để san lấp công trình, bán 23.168m³, doanh thu 658,7 triệu đồng, chiếm 3% tổng doanh thu.
 - Khách hàng chính là Công ty TNHH MTV xây dựng 99; còn lại là khách lẻ
- Các hoạt động cung cấp dịch vụ

Công ty	Doanh thu (Vnd)	Chiếm tỷ trọng	Thông tin thuê
Công ty TNHH Sản Xuất Dịch Vụ và TM Phương Tân	600,000,000	56%	Nhà xưởng tuyển quặng Hoàng Roong, đơn giá 50 triệu/tháng
Công ty TNHH Sản Xuất Dịch Vụ và Thương Mại Liên Hiệp	294,000,000	27%	Nhà xưởng liên quan đến sản xuất sắt xộp, bột sắt... và thiết bị bên trong Hệ thống điện Đơn giá 20 triệu/tháng
Công ty CP đầu tư và Phát Triển vật liệu mới công nghệ mới VSD	120,000,000	11%	Kho bãi, 10 triệu/tháng
Công ty TNHH Khoáng sản 679 Cao Bằng	65,454,546	6%	300m ² trên nhà máy, 3 triệu/tháng
Tổng	1,079,454,546	100%	

- Cho thuê kho bãi, thuê văn phòng làm việc, thuê nhà xưởng và máy móc thiết bị. Các tài sản thuê hầu hết hình thành từ năm 2014, nguyên giá 218.9 tỷ đồng, khấu hao trong 10-40

năm. Còn lại 1 tài sản hình thành năm 2015, 1 tài sản 2017, 2 tài sản 2021 và 1 tài sản năm 2022, tổng nguyên giá 1,89 tỷ đồng.

- Hoạt động Mở
 - Tiếp tục làm việc với các sở ban ngành để thực hiện chủ trương xin nâng cấp, mở rộng, xin thăm dò tại các mỏ, phân phụ trợ ở Cao Bằng, Bắc Kan
- Chi phí cố định

Chi phí cố định		80,053,441,513
1	Chi phí giá vốn - Khấu hao	26,191,144,817
2	Chi phí tài chính (Chênh lệch tỷ giá khoản vay USD)	8,649,743,437
3	Chi phí lãi vay (Ngân hàng và cá nhân)	42,474,023,821
4	Chi phí quản lý DN	2,738,529,438
	Thuế	24,601,173
	Lương văn phòng, bảo hiểm	1,255,000,000
	Chi phí thuê xe, xăng xe	203,376,390
	Chi phí thuê VP, bảo vệ văn phòng	257,799,349
	Chi phí CCDC, VPP, cước viễn thông, điện thoại	430,613,465
	Chi phí Tiếp khách, ngoại giao	214,541,993
	Chi phí khác	352,597,068

- Chi phí khấu hao 26,1 tỷ: TSCĐ của công ty nguyên giá 529 tỷ, chủ yếu là các tài sản hình thành từ năm 2014, chiếm 98.3%. Thời gian khấu hao từ 10-40 năm, hiện tại vẫn còn khấu hao.
- Chênh lệch tỷ giá khoản vay USD, khoản vay từ năm 2008, 12.445.674 USD. Theo quy định, hàng năm đều phải ghi nhận phần chênh lệch tỷ giá đối với các khoản phải trả có gốc ngoại tệ.
- Chi phí lãi vay ngân hàng đang tính theo quy định hợp đồng vay 2 bên; 3 tháng điều chỉnh 1 lần. Lãi vay của cá nhân bắt đầu tính từ 2023; lãi suất 10% hoặc 3% tùy từng đối tượng. Năm 2023 trở về trước không có lãi vay cá nhân.
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp

III. Định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024

- Hoạt động chung
 - Đối với vấn đề quản trị doanh nghiệp: Luôn duy trì chế độ họp định kỳ và tổ chức các phiên họp trực tiếp, trực tuyến, lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT để triển khai Nghị Quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2024, bám sát, phân đấu hoàn thành tốt chiến lược giai đoạn 2023-2028.
 - Tiếp tục, phát huy những giá trị cốt lõi, quyết liệt triển khai các giải pháp kinh doanh, sản xuất với phương châm liên tục cải tiến công nghệ, thích nghi với thực tế thị trường... để tối đa lợi ích. Đặc biệt tập trung vào 04 trụ cột của công ty là: (1) Bọt sắt; (2) Đúc thép chi tiết; (3) Khai thác, chế biến và kinh doanh Quặng sắt; (4) Hợp tác sản xuất & cho thuê kho bãi.... Bên cạnh đó, tìm kiếm hợp tác đầu tư dựa trên nền tảng công nghệ, hạ tầng, thiết bị

có sẵn của công ty. Phân đầu doanh thu cao hơn năm trước từ 10% đến 20%. Đảm bảo có lợi nhuận khi hạch toán không có khấu hao và lãi vay của các khoản vay cũ.

- Phát triển có kiểm soát: Không nhận các đơn hàng rủi ro (rủi ro công nghệ, rủi ro thanh toán, hay quá sức về sản lượng); không đầu tư phát triển các sản phẩm mới (ngoại trừ một số sản phẩm đang phát triển cùng Z115 từ những năm trước); với các đơn hàng mới đặc biệt (ví dụ: sản phẩm mới cần nghiên cứu phát triển hoặc đơn hàng có sản lượng tăng đột biến cần đầu tư mở rộng sản xuất) sẽ báo cáo HĐQT trước khi triển khai.
- Sản xuất, kinh doanh đề cao tính ổn định, có tính đặc thù (với CNQP) để gây dựng thương hiệu, có tiếng nói nhất định trong việc: (1) Ổn định, nâng cấp trữ lượng & gia hạn giấy phép khai thác Mỏ sắt Bản Luộc, xin cấp phép thăm dò phần diện tích giáp danh Mỏ Bản Luộc; (2) Xin cấp phép mới, xin quy hoạch các điểm mỏ mới tại Cao Bằng.
- Tăng cường công tác quản trị, quản lý tài chính. Cần ban hành các quy định chi tiết về quản trị doanh nghiệp, quản lý tài chính. Việc này giúp điều chỉnh các thói quen làm việc hiện tại, sớm đưa doanh nghiệp hoạt động chuẩn mực.
- Các mục tiêu về doanh thu, lợi nhuận được thể hiện trong bảng Dự kiến Kinh doanh 2024 dưới đây:

STT	Nội dung	Doanh thu	Chi phí	Lãi lỗ
1	Bột sắt	5.536.020.000	5.237.400.000	298.620.000
2	Hàng đúc	8.924.000.000	8.362.000.000	562.000.000
3	Quặng sắt	15.100.000.000	14.765.200.724	334.799.276
4	Dịch vụ	894.000.000		894.000.000
5	Hợp tác kinh doanh	1.000.000.000	500.000.000	500.000.000
6	Quản lý Doanh nghiệp		1.665.920.000	1.665.920.000
7	Lương văn phòng, thuế TNCN		751.200.000	
8	Chi phí thuê xe, xăng xe		150.720.000	
9	Chi phí thuê VP, bảo vệ VP		234.000.000	
10	Chi phí CCDC, VPP, cước điện thoại, viễn thông		300.000.000	
11	Chi phí tiếp khách, chi phí khác		230.000.000	
	Tổng	31.454.020.000	30.530.520.724	923.499.276

- Kế hoạch hoạt động của HĐQT.
 - Tiếp tục thực hiện kế hoạch đã được ĐHCĐ thông qua. Chỉ đạo, hỗ trợ các giải pháp để hoàn thành và phân đầu vượt kế hoạch kinh doanh năm 2024
 - Tiếp tục thực hiện định hướng chiến lược sản phẩm với trọng tâm: 04 trụ cột của công ty là: (1) Bột sắt; (2) Đúc thép chi tiết; (3) Khai thác, chế biến và kinh doanh Quặng sắt; (4) Hợp tác sản xuất & cho thuê kho bãi
 - Chỉ đạo, giám sát các biện pháp nhằm nâng cao năng lực tài chính.

Y
YÊN
AN
TP.

Nội dung biểu quyết như sau:

Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ	9.663.403 phiếu, đạt tỷ lệ 74,33%/số phiếu có quyền biểu quyết.
Tổng số phiếu không hợp lệ	0 phiếu, đạt tỷ lệ, 0 % số phiếu có quyền biểu quyết.
Tổng số cổ đông tán thành	38 cổ đông, đạt tỷ lệ 74,33% số phiếu có quyền biểu quyết.
Tổng số cổ đông không tán thành	0 phiếu, đạt tỷ lệ, 0 % số phiếu có quyền biểu quyết
Tổng số cổ đông không có ý kiến	0 phiếu, đạt tỷ lệ, 0 % số phiếu có quyền biểu quyết.

2. Thông qua báo cáo hoạt động của TGD năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

I. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA NHÀ MÁY SẮT XÓP VÀ THÉP HỢP KIM MIREX CAO BẰNG NĂM 2023

• Kết quả thực hiện SXKD năm 2023.

Doanh thu năm 2023 của Mirex đến từ 04 hoạt động kinh doanh chính: bột sắt, hàng đúc, quặng sắt và hoạt động dịch vụ khác đạt 21,46 tỷ đồng, chi phí 111,68 tỷ đồng, lợi nhuận đạt (94,43) tỷ đồng.

Chi phí sản xuất chiếm tỷ trọng cao so với giá bán sản phẩm (70-90%) dẫn đến lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh chính của Công ty thấp, không bù đắp đủ chi phí hoạt động. Mặt khác, Công ty phải chịu chi phí cố định hàng năm: chi phí khấu hao, chi phí chênh lệch tỷ giá và chi phí lãi vay Ngân hàng, do vậy, lợi nhuận của Công ty bị âm.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	TH 2023/2022
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.457.018.987	9.514.143.342	226%
2	Giá vốn hàng bán	57.816.103.352	52.073.991.290	111%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(36.359.084.365)	(42.559.847.948)	85%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	7.294.995	72.133	10113%
5	Chi phí hoạt động tài chính	51.123.767.258	50.554.122.262	101%
6	Chi phí bán hàng			
7	Chi phí quản lý Doanh nghiệp	2.738.529.438	1.443.695.881	190%

8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(90.214.086.066)	(94.557.593.958)	95%
9	LN khác	(4.217.252.214)	(660.926.549)	638%
10	Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	(94.431.338.280)	(95.218.520.507)	99%
11	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(94.431.338.280)	(95.218.520.507)	99%

- **Bột sắt**

Năm 2023, khối lượng bột sắt Mirex đã thực hiện bán là 190 tấn bột sắt, doanh thu đạt 2.381 triệu đồng; chiếm 11% doanh thu. Khách hàng chính và duy nhất là Công ty CP đầu tư và phát triển vật liệu mới công nghệ VSD (VSD). Đơn giá bán 12,47 triệu đồng/Tấn bột sắt, trong khi đó đơn giá sản xuất trung bình là 15 triệu đồng/tấn. Năm 2023 nhập lại 100 tấn bột sắt là sản phẩm của dự án KHCVN đơn giá 27 triệu đồng/tấn, đây là sản phẩm của Dự án KHCVN, được mượn sử dụng làm nguyên liệu nghiên cứu giai đoạn 2020 – 2022. Điều này dẫn đến giá vốn xuất bán của bột sắt trong năm cao hơn giá bán, dẫn đến lỗ.

- **Hàng đúc**

Sản phẩm đúc bao gồm: Ống thép, búa nghiền, phôi đúc thép non, mặt bích bơm, cánh bơm, các vật tư chế tạo phôi...doanh thu 8.592 triệu đồng, chiếm 40% doanh thu. Đây là mảng kinh doanh duy nhất có lãi của công ty trong năm 2023.

Mặt hàng cung cấp chính cho công ty TNHH MTV điện cơ hóa chất 15 là ống thép C60. Năm 2023, cung cấp cho cơ chất 15 là 6000 cái ống thép, đơn giá bán 750.000vnd/cái, đơn giá vốn 487.000 VNĐ/cái; doanh số 4.500 triệu đồng.

Mặt hàng cung cấp chính cho công ty TNHH Liên Hiệp là búa nghiền, phôi đúc thép non và chi tiết thép đúc .

- **Quặng sắt**

Năm 2023, Công ty đã bán 6.189,46 tấn quặng, đơn giá bán 1.25 triệu đồng/tấn (bằng với đơn giá quy định tối thiểu khi tính thuế tài nguyên của tỉnh Cao Bằng, doanh thu 8.744 triệu đồng, chiếm 41% doanh thu. Đơn giá vốn của quặng là 1.41 triệu đồng/tấn (cao hơn giá bán 12,8%).

Các khách hàng bao gồm:

Công ty	Doanh thu (Vnd)	Chiếm tỷ trọng
Công ty TNHH Khoáng sản 679 Cao Bằng	530,162,500	6%
Công ty TNHH sản xuất Dịch vụ và Thương mại Liên Hiệp	1,324,864,000	15%
Công ty TNHH sản xuất Dịch vụ và Thương mại Phương Tân	6,889,425,000	79%
TỔNG	8,744,451,500	100%

Công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại Liên Hiệp là vừa là khách hàng mua quặng vừa là nhà cung cấp dịch vụ gia công các sản phẩm hàng đúc và bột sắt của Mirex.

Công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại Phương Tân là đơn vị hợp tác khai thác quặng sắt với Mirex. Trong năm 2023 chi phí khai thác quặng sắt thuê của Phương Tân 10.206,57 tấn là 12.125 tỷ (Đơn giá khai thác là 1.1 triệu/tấn)

- Đất khai thác để san lấp công trình, bán 23.168m³, doanh thu 658,7 triệu đồng, chiếm 3% tổng doanh thu.
- Khách hàng chính là Công ty TNHH MTV xây dựng 99; còn lại là khách lẻ.

• **Các hoạt động cung cấp dịch vụ**

Công ty	Doanh thu (Vnd)	Chiếm tỷ trọng	Thông tin thuê
Công ty TNHH sản xuất Dịch vụ và Thương mại Phương Tân	600,000,000	56%	Nhà xưởng tuyển quặng Hoàng Roong, đơn giá 50 triệu/tháng
Công ty TNHH sản xuất Dịch vụ và Thương mại Liên Hiệp	294,000,000	27%	Nhà xưởng liên quan đến sản xuất sắt xốp, bột sắt... và thiết bị bên trong Hệ thống điện Đơn giá 20 triệu/tháng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vật liệu mới Công nghệ mới VSD	120,000,000	11%	Kho bãi, 10 triệu/tháng
Công ty TNHH Khoáng sản 679 Cao Bằng	65,454,546	6%	300m ² trên nhà máy, 3 triệu/tháng
TỔNG	1,079,454,546	100%	

- Cho thuê kho bãi, thuê văn phòng làm việc, thuê nhà xưởng và máy móc thiết bị. Các tài sản thuê hầu hết hình thành từ năm 2014, nguyên giá 218.9 tỷ đồng, khấu hao trong 10-40 năm. Còn lại 1 tài sản hình thành năm 2015, 1 tài sản 2017, 2 tài sản 2021 và 1 tài sản năm 2022, tổng nguyên giá 1,89 tỷ đồng.

• **Chi phí cố định**

CHI PHÍ CỐ ĐỊNH		80,053,441,513
1	Chi phí giá vốn - Khấu hao	26,191,144,817
2	Chi phí tài chính (Chênh lệch tỷ giá khoản vay USD)	8,649,743,437
3	Chi phí lãi vay (Ngân hàng và cá nhân)	42,474,023,821
4	Chi phí quản lý DN	2,738,529,438

<i>Thuế</i>	24,601,173
<i>Lương văn phòng, bảo hiểm</i>	1,255,000,000
<i>Chi phí thuê xe, xăng xe</i>	203,376,390
<i>Chi phí thuê VP, bảo vệ văn phòng</i>	257,799,349
<i>Chi phí CCDC, VPP, cước viễn thông, điện thoại</i>	430,613,465
<i>Chi phí Tiếp khách, ngoại giao</i>	214,541,993
<i>Chi phí khác</i>	352,597,068

- Chi phí khấu hao 26,1 tỷ: TSCĐ của công ty nguyên giá 529 tỷ, chủ yếu là các tài sản hình thành từ năm 2014, chiếm 98.3%. Thời gian khấu hao từ 10-40 năm, hiện tại vẫn còn khấu hao.
- Chênh lệch tỷ giá khoản vay USD, khoản vay từ năm 2008, 12.445.674 USD. Theo quy định, hàng năm đều phải ghi nhận phần chênh lệch tỷ giá đối với các khoản phải trả có gốc ngoại tệ.
- Chi phí lãi vay. Lãi vay ngân hàng đang tính theo quy định hợp đồng vay 2 bên; 3 tháng điều chỉnh 1 lần. Lãi vay của cá nhân chưa tính lãi bắt đầu tính từ 2023; lãi suất 10% hoặc 3% tùy từng đối tượng.
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp.

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

2.1 .Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

Tiếp tục tập trung phát triển sản xuất – kinh doanh theo 04 mảng hoạt động chính:

- Bột sắt
- Đúc thép (đúc chi tiết)
- Khai thác, chế biến và kinh doanh Quặng sắt
- Hợp tác sản xuất & cho thuê kho bãi

STT	Nội dung	Doanh thu	Chi phí	Lãi lỗ
1	Bột sắt	5.536.020.000	5.237.400.000	298.620.000
	Thu từ bán bột sắt (trung bình 35 tấn/tháng)	5.536.020.000		
	Chi phí giá vốn -Lương sản xuất			
	Chi phí giá vốn -Vật tư, nguyên vật liệu (quặng sắt)		999.600.000	
	Chi phí giá vốn - gia công		4.237.800.000	
2	Hàng đúc	8.924.000.000	8.362.000.000	562.000.000
	Đúc thép CNQP	8.924.000.000		

	Chi phí giá vốn -Lương sản xuất			
	Chi phí giá vốn -Vật tư, nguyên vật liệu			
	Chi phí giá vốn - gia công		8.362.000.000	
3	Quặng sắt	15.100.000.000	14.765.200.724	334.799.276
	Thu từ bán Quặng sắt	15.000.000.000		
	Thu từ bán Đất san lấp đổ thải mỏ BL	100.000.000		
	Chi phí giá vốn -Lương sản xuất (lương quản lý Mỏ & bảo vệ Mỏ, Nhà máy)		132.000.000	
	Chi phí giá vốn - gia công		9.300.000.000	
	Chi phí giá vốn - Thuế		4.333.200.724	
	Chi phí nâng cấp trữ lượng Mỏ Bản Luộc		1.000.000.000	
4	Dịch vụ	894.000.000		894.000.000
	Thu từ Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng	894.000.000		
	Chi phí giá vốn -Lương bảo vệ			
	Chi phí giá vốn - khấu hao			
5	Hợp tác kinh doanh	1.000.000.000	500.000.000	500.000.000
	Thu từ hợp tác kinh doanh	1.000.000.000		
	Chi phí giá vốn - làm thủ tục, giấy phép		500.000.000	
	Chi phí giá vốn - khấu hao			
6	Quản lý Doanh nghiệp		1.665.920.000	1.665.920.000
	Lương văn phòng, thuế TNCN		751.200.000	
	Chi phí thuê xe, xăng xe		150.720.000	
	Chi phí thuê VP, bảo vệ VP		234.000.000	
	Chi phí CCDC, VPP, cước điện thoại, viễn thông		300.000.000	
	Chi phí tiếp khách, chi phí khác		230.000.000	
	Tổng	31.454.020.000	30.530.520.724	923.499.276

Ghi chú:

- Các chi phí cố định như khấu hao, chi phí tài chính (chênh lệch tỉ giá khoản vay USD), chi phí lãi vay dự kiến 2024 là các chi phí cố định nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban điều hành. Nên không đưa vào bảng kế hoạch kinh doanh 2024 trên.

2.2. Giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm

- Hoàn thiện hệ thống văn bản, quy trình quy chế, phân quyền cho Hội đồng quản trị, Giám đốc
- Ban hành quy trình sản xuất sản phẩm, định mức sản xuất.
- Xây dựng được các quy chế cụ thể trong quản lý điều hành, tài chính kế toán, vật tư.
- Đảm bảo doanh thu, tiết kiệm chi phí.
- Xây dựng được phương án giải phóng mặt bằng phần còn lại của Mỏ Bản Luộc (khu vực từ cây đa hướng về UBND huyện Nguyên Bình).
- Xin phép được thủ tục nâng cấp trữ lượng cấp 333 trong giấy phép lên cấp trữ lượng cấp 122 (trữ lượng được phép khai thác): khoảng 60.000 – 80.000 tấn. Việc nâng cấp làm tăng trữ lượng quặng được khai thác, đồng thời có cơ sở pháp lý xin gia hạn khai thác Mỏ (sẽ hết hạn vào đầu 2026). Chi phí nâng cấp khối trữ lượng cấp 333 khoảng 1 tỷ đồng. Công ty Mirex đã ký hợp đồng với đơn vị tư vấn, đã lập hồ sơ gửi Tỉnh Cao Bằng.
- Bên cạnh đó, trong giai đoạn này, Công ty Mirex cũng cần tìm hiểu thủ tục xin thăm dò mở rộng Mỏ Bản Luộc (xin thăm dò trên khu vực khoảng 8ha – 10ha giáp mỏ), theo đánh giá sơ bộ có thể nâng trữ lượng toàn Mỏ Bản Luộc lên 400.000 tấn (hiện tại là 128.000 tấn). Theo thông lệ, các khu vực giáp danh sẽ được cấp phép cho đơn vị có giấy phép khai thác Mỏ thăm dò – khảo sát (tránh việc tranh chấp sau này).
- Duy trì mảng cho thuê kho bãi như năm 2023.

Nội dung báo cáo chi tiết được đính kèm tại Phụ lục của Biên bản này.

Nội dung biểu quyết như sau:

Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ	9.663.403 phiếu, đạt tỷ lệ 74,33%/số phiếu có quyền biểu quyết.
Tổng số phiếu không hợp lệ	0 phiếu, đạt tỷ lệ, 0 % số phiếu có quyền biểu quyết.
Tổng số cổ đông tán thành	38 cổ đông, đạt tỷ lệ 74,33% số phiếu có quyền biểu quyết.
Tổng số cổ đông không tán thành	0 phiếu, đạt tỷ lệ, 0 % số phiếu có quyền biểu quyết
Tổng số cổ đông không có ý kiến	0 phiếu, đạt tỷ lệ, 0 % số phiếu có quyền biểu quyết.

3. Thông qua báo cáo của Ban Kiểm Soát năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024.

1.1. Đặc điểm tình hình.

Trước ngày 09/03/2023, Ban Kiểm soát Công ty gồm có 3 thành viên gồm:

- Ông Nguyễn Xuân Định: Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Ngô Văn Tuấn - Thành viên

- Ông Nguyễn Thị Nhung - Thành viên

Ngày 09/03/2023, Mirex đã tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023; Đại hội đồng đã thông qua kết quả bầu thành viên hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028, đảm bảo tiêu chuẩn và cơ cấu nhân sự đã đề ra. Sau đó, Ban Kiểm soát đã họp bầu Trưởng Ban Kiểm soát và tiến hành phân công công việc cụ thể cho từng thành viên. Theo đó, Ban Kiểm soát Công ty hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, bao gồm 03 thành viên cụ thể như sau:

- Bà Lê Cẩm Tú – Trưởng Ban Kiểm soát
- Ông Nguyễn Xuân Định – Thành viên Ban Kiểm soát
- Ông Ngô Văn Tuấn – Thành viên Ban Kiểm soát

1.2. Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

1.2.1. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát cũng đã thường xuyên cập nhật số liệu, tình hình hoạt động, giám sát việc quản lý, điều hành Công ty của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty phù hợp các chức năng, nhiệm vụ của mình.

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2023 đã hoàn thành trách nhiệm theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

1.2.2. Hội đồng quản trị

Trong năm 2023, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ kịp thời Ban Điều hành triển khai hoạt động kinh doanh cũng như các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị. Cụ thể, trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã họp và ban hành 06 Quyết định làm cơ sở cho Ban Điều hành triển khai thực hiện trong đó có 01 Quyết định phê duyệt phương án kinh doanh của Tổng Giám đốc Các Nghị quyết Hội đồng quản trị có sự nhất trí cao của các thành viên Hội đồng quản trị và được Giám đốc triển khai thực hiện.

Hội đồng quản trị đã tuân thủ nghiêm túc chế độ họp theo định kỳ để định hướng, chỉ đạo kịp thời các hoạt động của Công ty, tuân thủ theo đúng các quy định về quyền và trách nhiệm tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.

1.2.3. Ban Điều hành

Trong năm 2023, Ban Điều hành đã tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh, mặc dù lợi nhuận âm do chi phí tài chính cao (chủ yếu là chi phí lãi vay) nhưng Công ty cũng đã thực hiện nghĩa tài chính đối với nhà nước (*Thuế và các khoản khác phải nộp*) khoảng hơn 4 tỷ đồng, thanh toán nợ bảo hiểm khoảng 350 triệu đồng, trả nợ cho PVconbank được 80 triệu đồng và cho các cá nhân khác. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch kinh doanh để Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như sau:

- Công ty đã thực hiện các biện pháp tái cơ cấu tổ chức, cắt giảm các chi phí phù hợp với quy mô hoạt động.

- Tích cực phối hợp chặt chẽ với PVcomBank tìm phương án giải quyết nợ vay, lãi vay liên quan đến đầu tư XDCB nhà máy sản xuất sắt xộp, đảm bảo mục tiêu kếp trả nợ vốn vay và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Công ty đàm phán gia hạn các khoản phải trả và nợ vay cá nhân khác đến hạn cũng như thực hiện chuyển đổi các khoản vay đến hạn thành vốn góp; Các cổ đông lớn cam kết sẽ hỗ trợ tài chính cho Công ty trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn của các nhà cung cấp để Công ty đảm bảo có đủ vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại bất kỳ thời điểm nào.
- Phấn đấu sản xuất kinh doanh có hiệu quả; làm thương hiệu và thị trường tốt, đưa Nhà máy vào chuỗi sản xuất Công nghiệp Quốc phòng và tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tìm kiếm hợp tác đầu tư sản xuất gang hoặc quặng vôi viên nhằm tận dụng tối đa nguồn quặng và hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư.
- Xin thăm dò, khai thác mỏ mới tại Cao Bằng và Bắc Kạn; mở rộng, xây dựng Nhà máy sắt xộp và đúc thép đặc biệt phục vụ Công nghiệp Quốc phòng.

II. Tình hình hoạt động Công ty

2.1. Kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022 (đã điều chỉnh)
1. Doanh thu	21.457.018.987	9.514.143.342
2. Doanh thu hoạt động tài chính	7.294.995	72.133
3. Chi phí tài chính	51.123.767.258	50.554.122.262
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.738.529.438	1.443.695.881
5. Lợi nhuận trước thuế TNDN	(94.431.338.280)	(95.218.520.507)
6. Chi phí thuế TNDN		
7. Lợi nhuận sau thuế TNDN	(94.431.338.280)	(95.218.520.507)

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023: 21.457.018.987 VNĐ (so với năm 2022 là: 9.514.143.342 VNĐ, tăng 225%). So với kế hoạch đề ra (doanh thu trung bình 30.000.000.000 VNĐ đến 50.000.000.000 VNĐ giai đoạn 2023-2025) đạt 71,5%.
- Do giá vốn hàng bán (bao gồm cả khấu hao) lớn (năm 2023 là 57.816.103.352 VNĐ), chi phí lãi vay cao (năm 2023 là 42.474.023.821 VNĐ), nên tổng lợi nhuận kế toán trước và sau thuế vẫn âm. Cụ thể:
 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2023: - 94.431.338.280 VNĐ (so với năm 2022 là - 95.218.520.507).

- Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2023: - 94.413.338.280 VNĐ.

2.2. Một số chỉ tiêu cơ bản về tình hình tài chính

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Tỷ lệ tăng /giảm cuối năm so với đầu năm
TSNH	78,267,056,107	73,589,082,295	5.98%
Tiền và khoản tương đương tiền	191,735,125	442,764,356	-130.93%
Các khoản ĐT tài chính NH			
Các khoản phải thu NH	10,762,726,115	12,318,190,977	-14.45%
Hàng tồn kho	66,329,823,658	59,186,018,536	10.77%
TSNH khác	982,771,209	1,642,108,426	-67.09%
TSDH	411,702,800,541	447,550,997,381	-8.71%
Các khoản phải thu dài hạn		1,352,918,842	
TSCĐ	388,100,552,584	424,410,363,655	-9.36%
BDS đầu tư			
TS dở dang dài hạn	21,362,638,777	20,603,373,992	3.55%
ĐT tài chính dài hạn	391,660,000	391,660,000	0.00%
TS dài hạn khác	1,874,949,180	2,145,599,734	-14.44%
Tổng TS	489,969,856,648	521,140,079,676	-6.36%
Nợ phải trả	1,266,618,723,912	1,202,875,233,229	5.03%
Nợ NH	1,256,618,723,912	1,192,875,233,229	5.07%
Nợ dài hạn	10,000,000,000	10,000,000,000	0.00%
Vốn CSH	(776,648,867,264)	(681,735,153,553)	12.22%

Vốn CSH	(784,435,296,550)	(690,397,107,300)	11.99%
Vốn góp	130,000,000,000	130,000,000,000	0.00%
Thặng dư vốn CP	6,817,050,713	6,817,050,713	0.00%
Chênh lệch tỷ giá		(58,474,040,600)	
LNST chưa phân phối	(921,252,347,263)	(827,214,158,013)	10.21%
Nguồn kinh phí và quỹ khác	7,786,429,286	8,661,953,747	-11.24%
Tổng NV	489,969,856,648	521,140,079,676	-6.36%

Tổng tài sản năm 2023 là 489,96 tỷ đồng giảm 6,36% so với năm 2022 (năm 2022 là 521,14 tỷ đồng). Tổng nợ phải trả năm 2023 là 1.266,7 tỷ đồng tăng 5,03% so với năm 2022 (năm 2022 là 1.202,87 tỷ đồng). Tổng nợ lớn hơn tổng tài sản, Công ty bị âm vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp đang bị âm, khả năng thanh toán các khoản nợ của Công ty gặp khó khăn.”.

• **Tình hình bảo toàn vốn**

Chỉ số	Kỳ báo cáo	Đầu năm	Chênh lệch
LNST/Tổng tài sản (ROA)	-0.19	-0.18	-0.01
LNST/Doanh thu thuần (ROS)	-4.40	-10.01	5.61
LNST/Vốn CSH (ROE)	0.12	0.14	-0.02
Lợi nhuận gộp/giá vốn hàng bán	-0.63	-0.82	0.19

Năm 2023, lợi nhuận trước thuế Mirex (94,43) tỷ đồng, Công ty bị áp lực tài chính do chi phí tài chính cao.

• **Tình hình công nợ**

Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Đầu năm	Tăng/(Giảm)
Hệ số nợ			
Nợ phải trả/Vốn CSH	-1.63	-1.76	

Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn khó có khả năng thu hồi là 1,69 tỷ đồng
Các khoản công nợ phải thu/phải trả đều được theo dõi chi tiết tới từng đối tượng.

Tổng giá trị các khoản nợ phải trả người bán không biến động, chưa có đối chiếu xác nhận số dư tại ngày 31/12/2023 là 97,59 tỷ đồng trong đó có Công ty Nam Tiến Hà Khẩu Trung Quốc (87,3 tỷ đồng) và Công ty TNHH sản xuất Dịch vụ và thương mại Phương Tân (18,53 tỷ đồng) chiếm tỷ trọng lớn. Ban Tổng Giám đốc cũng chưa đánh giá được khả năng thanh toán đối với các khoản phải trả người bán

• **Khả năng thanh toán**

Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Đầu năm	Chênh lệch
Khả năng TT tổng quát - Tổng TS/Nợ phải trả	0.39	0.43	-0.05
Khả năng TT ngắn hạn - TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0.06	0.06	0.00

Hệ số thanh toán tổng quát và hệ số thanh toán ngắn hạn thấp hơn 1, thấp hơn đầu năm 0,05 lần, Công ty có thể bị rủi ro về khả năng thanh toán và cả thanh toán trong ngắn hạn.

• **Lưu chuyển tiền tệ**

Lưu chuyển tiền tệ thuần trong kỳ tương đương âm (0,25) tỷ đồng, trong đó tiền thuần từ hoạt động SXKD tăng so với năm 2022 là dương 1,12 tỷ đồng, lưu chuyển từ hoạt động đầu tư tăng hơn so với năm 2022 dương 0,007 tỷ đồng. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính năm 2023 giảm so với năm 2022, âm 1,37 tỷ đồng.

III. Khuyến nghị và đề xuất của Ban Kiểm soát:

Để tăng cường công tác quản lý, giám sát của Hội đồng quản trị, công tác điều hành của Ban Điều hành trong năm 2024, Ban Kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

- Rà soát, cập nhật các văn bản nội bộ nhằm kiểm soát tốt hoạt động của Công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật và thực tế kinh doanh. Trong đó, khuyến nghị Công ty tuân thủ đúng cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với từng văn bản.

- Về công nợ khó đòi, đề nghị công ty tiếp tục xây dựng phương án, bám sát tiến trình thi hành án nhằm xử lý dứt điểm các khoản công nợ khó đòi.

IV. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024

Để thực hiện nhiệm vụ kiểm soát theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, Ban Kiểm soát dự kiến kế hoạch hoạt động năm 2024 như sau:

- Thường xuyên thực hiện giám sát, rà soát, đánh giá tính hiệu lực, hiệu quả của Hệ thống kiểm soát nội bộ Công ty và thực hiện báo cáo theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty.

- Thực hiện rà soát, đánh giá các hoạt động của Công ty và thực hiện báo cáo theo quy định.

- Thực hiện các nhiệm vụ phát sinh theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông.

Nội dung biểu quyết như sau:

Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ	9.663.403 phiếu, đạt tỷ lệ 74,33%/số phiếu có quyền biểu quyết.
Tổng số phiếu không hợp lệ	0 phiếu, đạt tỷ lệ, 0 % số phiếu có quyền biểu quyết.
Tổng số cổ đông tán thành	38 cổ đông, đạt tỷ lệ 74,33% số phiếu có quyền biểu quyết.

Tổng số cổ đông không tán thành	0 phiếu, đạt tỷ lệ, 0 % số phiếu có quyền biểu quyết
Tổng số cổ đông không có ý kiến	0 phiếu, đạt tỷ lệ, 0 % số phiếu có quyền biểu quyết.

4. Thông qua báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2023.

Báo cáo tài chính được Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam thực hiện theo số 142/2024/BCKT-CPA VIETNAM – NV3

Nội dung báo cáo chi tiết được đính kèm tại Phụ lục của Biên bản này.

Nội dung biểu quyết như sau:

Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ	9.663.403 phiếu, đạt tỷ lệ 74,33%/số phiếu có quyền biểu quyết.
Tổng số phiếu không hợp lệ	0 phiếu, đạt tỷ lệ, 0 % số phiếu có quyền biểu quyết.
Tổng số cổ đông tán thành	34 cổ đông, đạt tỷ lệ 27,31% số phiếu có quyền biểu quyết.
Tổng số cổ đông không tán thành	4 cổ đông, đạt tỷ lệ, 47,02 % số phiếu có quyền biểu quyết
Tổng số cổ đông không có ý kiến	0 phiếu, đạt tỷ lệ, 0 % số phiếu có quyền biểu quyết.

5. Thông qua việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán 2024.

Sau khi biểu quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông nhất chỉ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2024.

Nội dung biểu quyết như sau:

Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ	9.663.403 phiếu, đạt tỷ lệ 74,33%/số phiếu có quyền biểu quyết.
Tổng số phiếu không hợp lệ	0 phiếu, đạt tỷ lệ, 0 % số phiếu có quyền biểu quyết.
Tổng số cổ đông tán thành	38 cổ đông, đạt tỷ lệ 74,33% số phiếu có quyền biểu quyết.
Tổng số cổ đông không tán thành	0 phiếu, đạt tỷ lệ, 0 % số phiếu có quyền biểu quyết

Tổng số cổ đông không có ý kiến	0 phiếu, đạt tỷ lệ, 0 % số phiếu có quyền biểu quyết.
---------------------------------	---

IV. Tóm tắt ý kiến phát biểu và diễn biến cuộc họp.

- Ông Lê Xuân Trung thay mặt Hội đồng quản trị phát biểu khai mạc cuộc họp, nêu lý do cuộc họp, giới thiệu các thành phần chính tham gia cuộc họp, đồng thời tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Bà Lê Cẩm Tú thay mặt Ban kiểm soát phát biểu báo cáo về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT và Tổng giám đốc; báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát.
- Ông Nguyễn Xuân Dũng báo cáo hoạt động của Công ty năm 2023 và định hướng phát triển năm 2024, Báo cáo tài chính có kiểm toán năm 2024.
- Các cổ đông đồng ý với các ý kiến của các cổ đông đã phát biểu và không có ý kiến gì thêm.

V. Những nội dung và kết quả biểu quyết.

Đại hội đồng cổ đông đã thông qua và ra quyết định như sau:

1. Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024:

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua: 38 cổ đông, đạt 9.663.403 số cổ phần có quyền biểu quyết, tương ứng với tỷ lệ 74,33% quyền biểu quyết.

2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Tổng Giám đốc năm 2023 và Kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2024 .

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua: 38 cổ đông, đạt 9.663.403 số cổ phần có quyền biểu quyết, tương ứng với tỷ lệ 74,33% quyền biểu quyết

3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2023.

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua: 38 cổ đông, đạt 9.663.403 số cổ phần có quyền biểu quyết, tương ứng với tỷ lệ 74,33% quyền biểu quyết.

4. Thông qua báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2023.

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua: 34 cổ đông, đạt 3.551.149 số cổ phần có quyền biểu quyết, tương ứng với tỷ lệ 27,31% quyền biểu quyết.

5. Thông qua việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán 2024.

- Tỷ lệ biểu quyết thông qua: 38 cổ đông, đạt 9.663.403 số cổ phần có quyền biểu quyết, tương ứng với tỷ lệ 74,33% quyền biểu quyết

Cuộc họp kết thúc vào lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày ./.

CHỮ KÝ CỦA CHỦ TỌA VÀ THƯ KÝ CUỘC HỌP



CHỦ TỌA

LÊ XUÂN TRUNG

THƯ KÝ

LƯƠNG THỊ HƯƠNG

Số: 02./2024/NQ/ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam;
- Căn cứ Biên bản họp số 01/2024/BBH-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 06 năm 2024 của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung sau:

- ✓ Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024
- ✓ Thông qua báo cáo hoạt động của TGD năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024
- ✓ Thông qua báo cáo của Ban Kiểm Soát năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024
- ✓ Thông qua báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2023
- ✓ Thông qua lựa chọn đơn vị Kiểm toán năm 2024

Điều 2. Thông qua các nội dung cụ thể năm 2024

- **Thông qua định hướng phát triển của năm 2024 của HĐQT với các nội dung sau:**

- ✓ Tiếp tục thực hiện kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua. Chỉ đạo, hỗ trợ các giải pháp để hoàn thành và phấn đấu vượt kế hoạch kinh doanh năm 2024
- ✓ Tiếp tục thực hiện định hướng chiến lược sản phẩm với trọng tâm: 04 trụ cột của công ty là: (1) Bột sắt; (2) Đúc thép chi tiết; (3) Khai thác, chế biến và kinh doanh Quặng sắt; (4) Hợp tác sản xuất & cho thuê kho bãi
- ✓ Chỉ đạo, giám sát các biện pháp nhằm nâng cao năng lực tài chính

- **Thông qua mục tiêu mục tiêu về doanh thu, lợi nhuận của Công ty năm 2024 cụ thể:**

Nội dung	Doanh thu
Bột sắt	5.536.020.000
Hàng đúc	8.924.000.000
Quặng sắt	15.100.000.000
Dịch vụ	894.000.000

- **Thông qua kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 với các mục tiêu cụ thể như sau**

✓ Thường xuyên thực hiện giám sát, rà soát, đánh giá tính hiệu lực, hiệu quả của Hệ thống kiểm soát nội bộ Công ty và thực hiện báo cáo theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty.

✓ Thực hiện rà soát, đánh giá các hoạt động của Công ty và thực hiện báo cáo theo quy định.

✓ Thực hiện các nhiệm vụ phát sinh theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông

- **Thông qua báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2023**

✓ Báo cáo tài chính được Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam thực hiện theo số 142/2024/BCKT-CPA VIETNAM – NV3

- **Thông qua việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán 2024**

✓ Hội Đồng Cổ Đông nhất trí ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2024.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành công ty và các cổ đông chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**



Lê Xuân Trung